

Bản án số: 287/2025/HC-PT
Ngày 20 tháng 3 năm 2025
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Phan Tô Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Phước Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 1133/2024/TLPT-HC ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 20/2024/HC-ST ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 114/2025/QĐPT-HC ngày 03 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T1;

Cùng địa chỉ: Số D N, tổ dân phố A, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố G, tỉnh Đắk Nông;

Địa chỉ: Số B V, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị Kim T2 – chức vụ: Phó Chủ tịch.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T1;

Địa chỉ: Số D N, tổ dân phố A, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Ủy ban nhân dân thành phố G, tỉnh Đắk Nông;

Địa chỉ: Số B V, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị Kim T2 – chức vụ: Phó Chủ tịch.

Người kháng cáo: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện – bà Nguyễn Thị T và người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Tháng 10 năm 1992, gia đình tôi được Ủy ban nhân dân thị trấn G cấp cho 01 lô đất để làm kiốt tại chợ nhỏ trên đầu cầu Đ, với diện tích 24,75m² được ghi trong Giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn G, gia đình tôi sử dụng từ đó cho đến ngày 10/9/2021, Ủy ban nhân dân thành phố G có thông báo với gia đình tôi thu hồi lô đất để xây dựng công trình nhà nước. Mặc dù Ban quản lý Dự án và Ủy ban nhân dân thành phố G tính toán đền bù cho gia đình chúng tôi chưa đầy đủ, hợp lý nhưng gia đình chúng tôi vẫn chấp hành đầy đủ bàn giao mặt bằng, đồng thời khiếu nại để Ủy ban nhân dân thành phố G giải quyết.

Đến ngày 16/01/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố G ban hành Quyết định số 49/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T. Tại quyết định này, Ủy ban nhân dân thành phố G đã công nhận nguồn gốc đất gia đình chúng tôi được cấp là diện tích 24,75m² và chỉ được cấp 01 thửa đất số 102, tờ bản đồ 56 và sử dụng từ tháng 10/1992 đến nay nhưng lại cho rằng chúng tôi yêu cầu bồi thường 24,75m² là không có cơ sở, đồng thời đo đạc thêm đất ngoài để cộng vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chúng tôi rồi trừ lộ giới và chỉ bồi thường cho gia đình chúng tôi 11,80m² thì chúng tôi không đồng ý.

Do đó chúng tôi khởi kiện, chỉ yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc Ủy ban nhân dân thành phố G bồi thường cho gia đình tôi đủ 24,75m² được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo giá của đường B (tức đường QL 28 cũ) chứ không phải chỉ có 11,80m², còn lộ giới ở đâu chúng tôi không được biết vì không có ai thông báo hoặc văn bản nào được gửi cho gia đình chúng tôi.

Người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố G do người đại diện theo ủy quyền là ông Thạch Cảnh T3 trình bày:

Căn cứ các quy định của pháp luật và Quyết định số 1871/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc phê duyệt Dự án đầu tư công trình: Di dời, tái định cư cho 212 hộ dân ở khu trung tâm thành phố G; Ủy ban Nhân dân thành phố G đã thực hiện trình tự thu hồi đất và lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thửa đất số 102, tờ bản đồ số 56, diện tích 35,1m² của bà Nguyễn Thị T tại tổ dân phố A, phường N như sau:

Ngày 09/8/2021, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 984/QĐ-UBND về việc phê duyệt Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để xây dựng dự án đầu tư xây dựng công trình.

Ngày 10/9/2021, Ủy ban nhân dân thành phố G ban hành Thông báo thu hồi đất số 981/TB-UBND đối với thửa đất số 102, tờ bản đồ số 56, diện tích 35,1m² của bà Nguyễn Thị T. Ngày 04/3/2022 Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Thông báo số 51/TB-UBND điều chỉnh việc thu hồi đất do sai loại đất và sai diện tích.

Căn cứ bản tự khai về đất, tài sản trên đất của bà Nguyễn Thị Tân L ngày 24/9/2021, được Ủy ban nhân dân phường N xác nhận thì cùng ngày, Ban Q (đơn vị làm nhiệm vụ bồi thường) đã tiến hành kiểm kê đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc và cây trồng của bà Nguyễn Thị T trong phạm vi đất thu hồi để thực hiện dự án.

Sau khi Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và hoàn thiện hồ sơ đầy đủ theo quy định, trên cơ sở đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tại Tờ trình số 597/TTr-TNMT ngày 11/3/2022, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 11/3/2022, về việc thu hồi đất thực hiện dự án Di dời, tái định cư cho 212 hộ dân ở khu trung tâm thành phố G đối với thửa đất số 102, tờ bản đồ số 56, diện tích 35,1m² đất thương mại dịch vụ của bà Nguyễn Thị T. Trong đó:

Diện tích đất đã thu hồi đường B là: 0,0m².

Diện tích đất thuộc lộ giới giao thông quốc lộ B (cũ) là 23,3m².

Diện tích đất nằm ngoài phạm vi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là: 0,4m².

Diện tích đất nằm trong phạm vi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là: 11,4m².

Trên cơ sở đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tại Tờ trình số 598/TTr-TNMT ngày 11/3/2022 thì ngày 06/5/2022, Ủy ban nhân dân

thành phố G ban hành Quyết định số 335/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (đợt 1) của Dự án đối với 39 hộ gia đình, cá nhân, trong đó có bà Nguyễn Thị T.

Việc Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 và số 335/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 là đúng quy định của pháp luật. Ngày 03/10/2022, bà Nguyễn Thị T đã nhận đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất đai, tài sản trên đất và chế độ chính sách liên quan theo phương án được duyệt đối với thửa đất số 102, tờ bản đồ số 56, diện tích là 35,1m² theo phương án được duyệt. Sau khi nhận đủ tiền, bà Nguyễn Thị T đã bàn giao mặt bằng cho Nhà nước để thực hiện dự án.

Đối với nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố G thụ lý, giải quyết, trả lời tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 49/QĐ-UBND ngày 16/01/2023. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố G giữ nguyên quan điểm giải quyết khiếu nại theo Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 nêu trên.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2024/HC-ST ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính. Áp dụng Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 43 Luật Giao thông đường bộ năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2019; Điều 41 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Hủy một phần Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của Chủ tịch UBND thành phố G về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T (lần đầu), buộc Ủy ban nhân dân thành phố G, tỉnh Đắk Nông thực hiện nhiệm vụ, công vụ về việc thu hồi và bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình bà Nguyễn Thị T theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, người đại diện theo pháp luật của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố G có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là đúng quy định pháp luật. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, người bị kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thủ tục kháng cáo của đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện vắng mặt tuy nhiên họ đã có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định người khởi kiện hành vi hành chính còn trong thời hiệu khởi kiện là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của người bị kiện.

[2.1] Ngày 20-10-1992, bà Nguyễn Thị T được Ủy ban nhân dân thị trấn G (nay là thành phố G) cấp Giấy chứng nhận quyền quản lý sử dụng đất nhà ki ốt số 19 với diện tích 24,75m² và ngày 30/11/2021, bà T được Ủy ban nhân dân phường N, thành phố G xác nhận diện tích đất thu hồi thuộc thửa đất số 102, thửa đất số 106, tờ bản đồ số 56, có nguồn gốc là đất thanh lý của UBND thị trấn G, thời điểm sử dụng từ năm 1992 với tổng diện tích là 77,7m²; Trong đó: Diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 24,75m² đất ở và diện tích nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp là 52,95m².

Theo thông báo số 981/TB-UBND ngày 10/9/2021 và số 51/TB-UBND ngày 04/3/2022, ngày 11/3/2022 Ủy ban nhân dân thành phố G đã ban hành Quyết định số 39/QĐ-UBND, thu hồi đất thực hiện dự án đối với thửa đất số

102, tờ bản đồ số 56, diện tích 35,1m² đất thương mại dịch vụ của bà Nguyễn Thị T. Trong đó:

Diện tích đất đã thu hồi đường B là: 0,0m².

Diện tích đất thuộc lộ giới giao thông quốc lộ B (cũ) là 23,3m².

Diện tích đất nằm ngoài phạm vi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là: 0,4m².

Diện tích đất nằm trong phạm vi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là: 11,4m².

Ngày 03/10/2022, bà Nguyễn Thị T đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ về đất đai, tài sản trên đất với số tiền là 97.568.064 đồng (đơn giá 8.613.000 đồng/m²), diện tích đất không được bồi thường là 23,3m² nằm trong lộ giới giao thông quốc lộ 28 cũ. Ngày 11/3/2022, bà T đã bàn giao đất để thực hiện dự án.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo Trích lục bản đồ địa chính lập ngày 24/02/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố G thì bà T bị thu hồi tổng diện tích 35,1m² thuộc thửa đất số 102, tờ bản đồ số 56; phần diện tích nằm trong phạm vi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 11,4m² và phần diện tích đất thuộc lộ giới giao thông quốc lộ B (cũ) là 23,3m². Ủy ban nhân dân thành phố G không bồi thường đối với 23,3m² này cho bà T, vì cho rằng 23,3m² đất này thuộc lộ giới giao thông quốc lộ B (cũ). Tuy nhiên, tại Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 01/10/2008 của UBND tỉnh Đ “Về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án: Xây dựng hai đoạn tuyến Quốc lộ A và Quốc lộ B và đoạn nối Quốc lộ B với Quốc lộ A đoạn qua địa bàn thị Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, hạng mục: Cầu Đ (gói thầu số 05)” thì hộ bà Nguyễn Thị T không bị thu hồi đất.

Tại khoản 2 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013, quy định: “Trường hợp quy hoạch sử dụng đất đã được công bố mà chưa có kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện thì người sử dụng đất được tiếp tục sử dụng và được thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.”;

Khoản 4 Điều 43 Luật Giao thông đường bộ năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2019 cũng quy định: “Người đang sử dụng đất được pháp luật thừa nhận mà đất đó nằm trong hành lang an toàn đường bộ thì được tiếp tục sử dụng đất theo đúng mục đích đã được xác định và không được gây cản trở cho việc bảo vệ an toàn công trình đường bộ. Trường hợp việc sử dụng đất gây ảnh hưởng đến việc bảo vệ an toàn công trình đường bộ thì chủ công trình và người sử dụng đất phải có biện pháp khắc phục, nếu không khắc phục được thì Nhà nước thu hồi đất và bồi thường theo quy định của pháp luật”.

Tại Khoản 3 và 7 Điều 41 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm “*Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật*”; “*Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật*”.

Như vậy, bà Nguyễn Thị T là người đang sử dụng đất, được pháp luật thừa nhận, phần đất sử dụng nằm trong hành lang an toàn đường bộ được gia đình bà tiếp tục sử dụng đúng mục đích nhưng khi thu hồi đất và ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư cho bà T thì Ủy ban nhân dân thành phố G không bồi thường phần đất 23,3m² nằm trong hành lang an toàn đường bộ là vi phạm các quy định nêu trên. Khi bà T khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố G ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 49/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 nội dung tiếp tục giữ nguyên các nội dung tại các Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 và số 335/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 là không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp của bà T.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là đúng quy định của pháp luật. Người bị kiện kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo của người bị kiện không được chấp nhận nên phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 43 Luật Giao thông đường bộ năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2019; Điều 41 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ:

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác toàn bộ kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố G, tỉnh Đắk Nông, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Hủy một phần Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của Chủ tịch UBND thành phố G về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T (lần đầu) đối với phần diện tích đất đã thu hồi nhưng chưa được bồi thường. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố G, tỉnh Đắk Nông thực hiện nhiệm vụ, công vụ về việc bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình bà Nguyễn Thị T theo quy định của pháp luật như phần nhận định của bản án.

3. Về án phí:

3.1 Về án phí sơ thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố G, tỉnh Đắk Nông phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị T 300.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000013 ngày 12/10/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông.

3.2 Án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố G, tỉnh Đắk Nông phải chịu 300.000 đồng án phí, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu số 0002228 ngày 16/9/2024 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Đắk Nông.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Đắk Nông; (1)
- VKSND tỉnh Đắk Nông ; (1)
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (1)
- NCQLNVLQ; (1)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA- LMA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Huỳnh